



Số: 134/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị, được lập ngày 18/03/2016, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

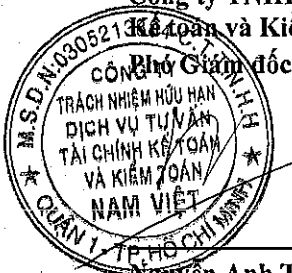
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Hữu Nghị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Nguyễn Anh Tuấn**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2013-152-1

**Kiểm toán viên**

**Cao Thị Hồng Nga**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

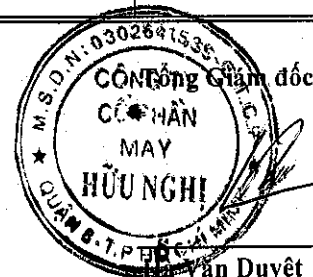
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>204.460.335.652</b>	<b>179.908.683.341</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>199.853.295.695</b>	<b>175.301.643.384</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	27.147.251.688	30.670.926.959
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	34.275.848.477	28.997.238.864
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	14.237.240.123	15.160.646.312
4. Phải trả người lao động	314		111.971.831.979	93.653.911.772
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	43.347.268	98.186.155
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6.138.148.846	3.598.763.889
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.039.627.314	3.121.969.433
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.607.039.957</b>	<b>4.607.039.957</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	4.607.039.957	4.607.039.957
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>168.932.454.674</b>	<b>141.035.540.053</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>168.932.454.674</b>	<b>141.035.540.053</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.079.000.000	62.678.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.079.000.000	62.678.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(11.000.000)	(11.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.037.455.347	15.786.706.406
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.826.999.327	62.581.833.647
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		526.175.249	10.072.654.834
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		60.300.824.078	52.509.178.813
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>373.392.790.326</b>	<b>320.944.223.394</b>

Người lập biểu

*hng*

Kế toán trưởng

*MM*



Nguyễn Thị Hằng Nga

Vũ Thị Ngát

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2016

Vân Duyệt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.007.100.981.709	881.739.527.579
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.007.100.981.709	881.739.527.579
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	844.113.700.357	748.824.418.079
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		162.987.281.352	132.915.109.500
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.194.494.489	3.962.582.974
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.201.265.271	2.305.031.689
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		712.455.298	1.387.043.156
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10.934.620.786	10.180.827.838
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	55.253.082.771	42.274.795.962
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.792.807.013	82.117.036.985
11. Thu nhập khác	31	VI.6	435.867.098	1.830.479.291
12. Chi phí khác	32	VI.7	792.179.715	22.757.905
13. Lợi nhuận khác	40		(356.312.617)	1.807.721.386
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		102.436.494.396	83.924.758.371
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	23.300.844.804	18.809.114.070
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	21.225.514	73.065.488
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		79.114.424.078	65.042.578.813
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	8.410	6.914

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hằng Nga

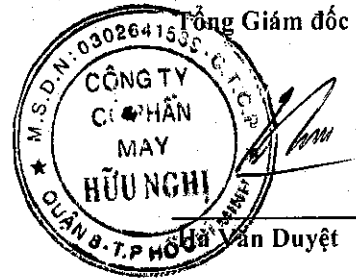
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng



Vũ Thị Ngát

Tổng Giám đốc



Vân Duyệt